

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH LỢI
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2020/DS-ST
Ngày 30 - 9 - 2020
V/v tranh chấp đòi lại tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH LỢI, TỈNH BẠC LIÊU**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Nguyễn Duy Khanh

- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Trần Hồng Tư
2. Ông Đào Văn Vĩnh

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Nhựt, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa:* Bà Trịnh Thị Mỹ Tiên, Kiểm sát viên.

Trong các ngày 25 và 30 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 126/2020/TLST-DS ngày 23 tháng 6 năm 2020 về việc tranh chấp đòi lại tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 57/2020/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 8 năm 2020, giữa:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1973; cư trú tại: ấp P, xã L, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

2. *Bị đơn:* Ông Trần Quốc C, sinh năm 1963; cư trú tại: Ấp T, thị trấn C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Vũ Thị Lan A, sinh năm 1964; cư trú tại: Đường T, Khóm 2, Phường 7, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Lan A là: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1973; cư trú tại: ấp P, xã L, huyện V, tỉnh Bạc Liêu (Theo Văn bản ủy quyền ngày 06/8/2020).

(Bà H, ông C có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo Đơn khởi kiện đề ngày 06/6/2020, Đơn khởi kiện bổ sung đề ngày 19/6/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:

Trong thời kỳ hôn nhân, bà H và ông Trần Quốc C có vay của bà Vũ Thị Lan A số tiền 322.500.000 đồng. Căn cứ vào Bản án phúc thẩm số 08 ngày

26/4/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu, nội dung phần quyết định của bản án có buộc ông C trả cho bà Lan A số tiền là 322.500.000 đồng. Sau đó, bà Lan A đã nộp đơn yêu cầu thi hành án và được cơ quan thi hành án dân sự huyện V thụ lý yêu cầu thi hành án. Trong quá trình yêu cầu thi hành án, bà Lan A ủy quyền cho bà H để nhận lại, định đoạt và thu hồi khoản nợ 322.500.000 đồng. Tuy nhiên, để đảm bảo uy tín và cũng là công nợ chung giữa bà H với ông C nên bà H đã trả thay cho ông C toàn bộ số tiền nêu trên, kể cả lãi phát sinh trong giai đoạn thi hành án. Vào ngày 01/6/2020, bà H đã tự nguyện rút đơn yêu cầu thi hành án số tiền 322.500.000 đồng và lãi suất chậm thi hành án đối với ông C nên Chi cục Thi hành án dân sự huyện V đã ra quyết định đình chỉ thi hành án ngày 04/6/2020. Nay bà H yêu cầu ông Trần Quốc C trả số tiền 322.500.000 đồng và số tiền lãi suất chậm thi hành án là 7.659.375 đồng mà bà H đã trả thay cho ông C. Nếu ông C không có tiền thì yêu cầu khấu trừ vào phần đất mà Tòa án đã chia cho ông C diện tích 772,6m² tại một phần thửa số 1384, tờ bản đồ số 7 tọa lạc tại ấp P, xã L, huyện V, tỉnh Bạc Liêu theo Bản án số 08/2019/HNGĐ-PT ngày 26/4/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

Bị đơn ông Trần Quốc C trình bày: Trong quá trình chung sống vợ chồng với bà H thì ông C và bà H không có mượn tiền của người nào khác ngoài vay tiền của Ngân hàng N. Ông C xác định không có vay tiền của bà Lan A. Khi Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu quyết định buộc ông C trả số tiền 322.500.000 đồng theo Bản án số 08 ngày 26/4/2019 thì bà Lan A không có đòi tiền ông C. Trong giai đoạn thi hành án, cơ quan thi hành án dân sự huyện V đã đình chỉ yêu cầu thi hành án của bà Lan A do bà H đã trả tiền cho bà Lan A. Khi bà H trả tiền cho bà Lan A thì ông C không hay biết và cũng không có yêu cầu bà H trả thay. Do đó, ông C không đồng ý toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà H.

Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Vũ Thị Lan A là bà Nguyễn Thị H trình bày: Bà Lan A đã nhận đủ tiền 322.500.00 đồng và tiền lãi phát sinh trong giai đoạn thi hành án nên không có yêu cầu hay ý kiến gì trong vụ án này.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đối với ông Trần Quốc C.

** Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và quan điểm giải quyết vụ án như sau:*

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Thư ký phiên tòa và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 574 Bộ luật Dân sự. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H đối với ông C về việc yêu cầu ông C thanh toán cho bà H số tiền 322.500.000 đồng; không chấp nhận yêu cầu đòi số tiền lãi suất chậm thi hành án mà bà H đã trả thay cho ông C là 7.659.375 đồng

và yêu cầu khấu trừ tài sản là quyền sử dụng đất mà Tòa án đã chia cho ông C diện tích 772,6m² tại một phần thửa số 1384, tờ bản đồ số 7 theo Bản án số 08/2019/HNGĐ-PT ngày 26/4/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu Ông C và bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án; sau khi nghe ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, sau khi thảo luận Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Bà H khởi kiện yêu cầu ông C trả tổng số tiền 330.159.375 đồng. Ông C hiện cư trú tại ấp T, thị trấn C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu nên đây là tranh chấp về đòi tài sản và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Bà H yêu cầu ông C trả cho bà H số tiền 322.500.000 đồng và số tiền lãi suất chậm thi hành án 7.659.375 đồng mà bà H đã trả thay cho ông C. Bà H xác định, trong thời kỳ hôn nhân, bà H và ông C có vay của bà Vũ Thị Lan A số tiền 322.500.000 đồng và bản án phúc thẩm đã buộc ông C trả cho bà Lan A. Bà H cho rằng lý do trả thay là để đảm bảo uy tín và cũng là công nợ chung giữa bà H với ông C nên bà H đã trả thay cho ông C toàn bộ số tiền nêu trên, kể cả lãi phát sinh trong giai đoạn thi hành án. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện, bà H cung cấp Bản án phúc thẩm số 08 ngày 26/4/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu; Biên nhận ngày 03/02/2019 của bà Vũ Thị Lan A. Còn ông C xác định, khi bà H trả tiền cho bà Lan A thì ông C không hay biết và cũng không có yêu cầu hay thỏa thuận bà H trả thay. Hiện nay, ông C vẫn chưa thanh toán số tiền 322.500.000 đồng cho bà Lan A. Do đó, ông C không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà H.

[2.1] Bản án phúc thẩm số 08 ngày 26/4/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu buộc ông C trả cho bà Lan A số tiền 322.500.000 đồng và lãi suất chậm thi hành án. Bà Lan A đã yêu cầu thi hành án tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V đối với số tiền trên. Trong quá trình thi hành án, bà Lan A đã ủy quyền cho bà H nhận lại, định đoạt và thu hồi khoản nợ. Do bà H tự nguyện rút đơn yêu cầu thi hành án nên Chi cục Thi hành án dân sự huyện V ra quyết định đình chỉ yêu cầu thi hành án. Bà H xác định, do bà H trả đủ tiền cho bà Lan A nên bà Lan A mới đồng ý việc rút đơn thi hành án. Xét thấy, khi bà H trả nợ thay cho ông C thì giữa ông C, bà H và bà Lan A không có thỏa thuận chuyển giao nghĩa vụ cho bà H phải thanh toán số tiền mà ông C phải trả đối với bà Lan A nên không hình thành nghĩa vụ trả nợ của ông C đối với bà H theo quy định tại Điều 370 Bộ luật Dân sự. Mặt khác, theo quy định tại khoản 2 Điều 3 của Bộ luật Dân sự quy định các nguyên tắc cơ bản của pháp luật dân sự thì “...2. Cá nhân, pháp nhân xác lập, thực hiện, chấm dứt quyền, nghĩa vụ dân sự của mình trên cơ sở tự do, tự nguyện cam kết, thỏa thuận. Mọi cam kết, thỏa thuận không

vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội có hiệu lực thực hiện đối với các bên và phải được chủ thể khác tôn trọng... ”. Việc bà H trả nợ thay cho ông C không được các bên tự nguyện thỏa thuận là không đúng theo các nguyên tắc cơ bản của Bộ luật Dân sự.

[2.2] Bà H cho rằng, tuy bà H thực hiện công việc không có ủy quyền của ông C nhưng thực tế đã trả thay toàn bộ số tiền mà ông C phải trả cho bà Lan A. Lý do trả thay là vì uy tín của bà H và công nợ chung giữa bà H và ông C. Xét thấy, theo quy định tại Điều 574 của Bộ luật Dân sự thì *“Thực hiện công việc không có ủy quyền là việc một người không có nghĩa vụ thực hiện công việc nhưng đã tự nguyện thực hiện công việc đó vì lợi ích của người có công việc được thực hiện khi người này không biết hoặc biết mà không phản đối”*. Theo Bản án phúc thẩm số 08 ngày 26/4/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu đã có hiệu lực pháp luật quyết định buộc ông C phải trả cho bà Lan A số tiền 322.500.000 đồng. Như vậy, bà H trả thay chỉ vì uy tín của bà H chứ không phải vì lợi ích gì của ông C, còn số tiền nợ bà Lan A đã được Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu buộc ông C có nghĩa vụ trả nên lý do trả nợ thay như bà H trình bày là không có cơ sở chấp nhận.

[3] Do không có căn cứ chấp nhận yêu cầu ông C trả cho bà H 322.500.000 đồng nên không có cơ sở chấp nhận yêu cầu ông C trả tiền lãi suất chậm thi hành án 7.659.375 đồng và yêu cầu khấu trừ tài sản là quyền sử dụng đất mà Tòa án đã chia cho ông C diện tích 772,6m² tại một phần thửa số 1384, tờ bản đồ số 7 theo Bản án số 08/2019/HNGĐ-PT ngày 26/4/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu nếu như ông C không có tiền trả.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của bà H không được chấp nhận nên bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 330.159.375 đồng x 5% = 16.507.968 đồng, nhưng được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 8.253.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005419 ngày 23/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Bạc Liêu. Bà H còn phải tiếp tục nộp 8.254.968 đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

[5] Như đã phân tích, Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà H; có căn cứ chấp nhận một phần đề nghị của Kiểm sát viên.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 3, khoản 2 Điều 166, Điều 370 và Điều 574 Bộ luật Dân sự; điểm b khoản 1 Điều 24 và khoản 3 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H đối với ông Trần Quốc C về việc yêu cầu trả số tiền 322.500.000 đồng và số tiền lãi suất chậm thi hành án 7.659.375 đồng và yêu cầu khấu trừ vào phần đất mà Tòa án đã chia cho ông C diện tích 772,6m² tại một phần thửa số 1384, tờ bản đồ số 7 tọa lạc tại ấp P, xã L, huyện V, tỉnh Bạc Liêu theo Bản án số 08/2019/HNGĐ-PT ngày 26/4/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị H phải nộp 16.507.968 đồng (Mười sáu triệu năm trăm lẻ bảy nghìn chín trăm sáu mươi tám đồng), nhưng được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 8.253.000 đồng (Tám triệu hai trăm năm mươi ba nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005419 ngày 23/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Bạc Liêu nên bà Nguyễn Thị H còn phải tiếp tục nộp 8.254.968 đồng (Tám triệu hai trăm năm mươi bốn nghìn chín trăm sáu mươi tám đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Án xử sơ thẩm công khai, đương sự có mặt tại tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện Vĩnh Lợi;
- Chi cục THADS huyện V;
- Đương sự;
- Lưu: HSVA, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
ĐÃ KÝ**

Nguyễn Duy Khanh